

Số: 384/BC-UBND

Duyên Hải, ngày 03 tháng 12 năm 2018

## BÁO CÁO

### Tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2018; kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2019

Thực hiện Nghị quyết của Huyện ủy, Nghị quyết của Hội đồng Nhân dân huyện năm 2018; Ủy ban Nhân dân huyện Duyên Hải báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2018 và triển khai Kế hoạch năm 2019, cụ thể như sau:

## PHẦN THỨ NHẤT

### KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG NĂM 2018

Giá trị sản xuất (theo giá 2010) được 4.337,19 tỷ đồng, đạt 107,55% kế hoạch, tăng 18,37% so năm 2017. Khu vực I: 2.878,61 tỷ đồng, đạt 106,73% KH, so năm 2017 tăng 10,26%; khu vực II: 710,31 tỷ đồng, đạt 105,58% KH, so năm 2017 tăng 26,71%; khu vực III: 748,28 tỷ đồng, đạt 112,9% KH, so năm 2017 tăng 51,78%.

Về cơ cấu sản xuất: Khu vực I: 66,37%, khu vực II: 16,38%, khu vực III: 17,25%.

### I. CHUYỂN ĐỔI CƠ CẤU SẢN XUẤT:

- *Lĩnh vực thủy sản:* Chuyển đổi từ các hình thức sản xuất khác sang nuôi tôm thâm canh được 352,6 ha (chuyển đổi từ hình thức nuôi QCCT sang 276,9 ha; từ đất trồng lúa, màu kém hiệu quả 68,1 ha; từ đất sản xuất muối 7,6 ha). Nâng tổng số đến nay được 579,5 ha<sup>1</sup>.

Chuyển đổi nuôi tôm thẻ chân trắng từ hình thức thâm canh sang siêu thâm canh được 19,79 ha. Nâng tổng số đến nay toàn huyện có 23,53 ha siêu thâm canh<sup>2</sup>.

- *Lĩnh vực trồng trọt:* Chuyển đổi 120,7 ha đất trồng lúa, trồng mía kém hiệu quả sang sản xuất các loại vật nuôi, cây trồng có giá trị kinh tế cao hơn (trồng rau màu 41 ha, trồng cỏ 17,4 ha, nuôi thủy sản 62,3 ha). Nâng tổng số đến nay đã chuyển đổi được 420,3 ha (trồng rau màu 289,4 ha, trồng cỏ 38 ha, nuôi thủy sản 92,9 ha).

<sup>1</sup> chuyển đổi từ hình thức nuôi QCCT 464 ha; từ đất trồng lúa, màu kém hiệu quả 92,9 ha; từ đất sản xuất muối 22,6 ha

<sup>2</sup> cụ thể: xã Đông Hải 4,16 ha; xã Long Vĩnh 10,76 ha; xã Long Khánh 4,03 ha; xã Ngũ Lạc 1,75 ha; xã Đôn Châu 0,48 ha; xã Đôn Xuân 1,74 ha; thị trấn Long Thành 0,61 ha.

tăng 3.383 tấn (tăng 19,4%); Khai thác, đánh bắt được 18.858 tấn<sup>5</sup>, đạt 104,8% kế hoạch, so với cùng kỳ giảm 211 tấn (giảm 1,2%).

Chỉ đạo Đội kiểm tra liên ngành huyện kiểm tra việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực thủy sản trên địa bàn huyện: kiểm tra 07 cơ sở kinh doanh thức ăn, thuốc thú y thủy sản, phát hiện 03 cơ sở vi phạm (*lập biên bản nhắc nhở 02 cơ sở; phạt hành chính 01 cơ sở số tiền 12,5 triệu đồng*).

## 1.2. Trồng trọt, chăn nuôi

- **Cây lúa:** Tổng diện tích xuống giống được 7.452,5 ha, sản lượng thu hoạch 38.308 tấn, đạt 153,2% kế hoạch, so với cùng kỳ sản lượng tăng 13.422 tấn (tăng 53,9%)<sup>6</sup>.

- **Cây màu:** Xuống giống được 3.659,9 ha, sản lượng 50.719 tấn, đạt 79,7% kế hoạch, so với cùng kỳ giảm 6.141 tấn (giảm 10,8%)<sup>7</sup>.

- **Chăn nuôi:** Tổng đàn gia súc, gia cầm toàn huyện hiện có 169.497 con (so cùng kỳ tăng 44.310 con)<sup>8</sup>. Sản lượng thịt hơi các loại 2.240 tấn, đạt 102,3% kế hoạch, so cùng kỳ giảm 279 tấn.

- **Thú y:** Tiêm phòng thường xuyên 24.907 liều (gồm dịch tả heo 7.950 liều, tụ huyết trùng 7.950 liều, phó thương hàn 7.950 liều, dại chó mèo 1.046 liều, care chó 11 liều).

- **Công tác tiêu độc khử trùng:** Thực hiện tháng vệ sinh tiêu độc khử trùng 02 đợt.

+ Đợt 1: đã tổ chức phun xịt 534 lít hóa chất trên tổng diện tích 980.190 m<sup>2</sup> (2 lần) với tổng đàn gia súc, gia cầm 243.448 lượt con (*gia súc 37.314 lượt con; gia cầm 206.134 lượt con*) của 15.321 lượt hộ nuôi.

+ Đợt 2: đã tổ chức phun xịt 534 lít hóa chất trên tổng diện tích 980.365 m<sup>2</sup> (2 lần) với tổng đàn gia súc, gia cầm 231.151 lượt con (*gia súc 34.569 lượt con; gia cầm 196.582 lượt con*) của 15.686 lượt hộ nuôi.

## 2. Lâm nghiệp

Thực hiện trồng rừng trên địa bàn huyện được 20 ha (15ha rừng Bần xã Long Vĩnh, 05 ha rừng Đước xã Long Khánh) đạt 100% kế hoạch.

Tổ chức tuần tra kiểm tra rừng trên địa bàn được 298 lượt, phát hiện 08 vụ vi phạm (tăng 03 vụ so năm 2017), đã xử lý 07 vụ, 08 đương sự với số tiền 49.600.000 đồng, chuyển Cục Kiểm lâm tỉnh 01 vụ 01 đương sự. Tổ chức tuyên

<sup>5</sup> tôm các loại 1.400 tấn, cá các loại 2.128 tấn, cua 199 tấn, thủy sản khác 15.131 tấn

<sup>6</sup> Cụ thể: Vụ Thu Đông năm 2017: xuống giống 2.765 ha, thu hoạch 12.805 tấn, năng suất bình quân 4,63 tấn/ha, so với cùng kỳ năng suất bình quân tăng 0,28 tấn/ha; Vụ Đông Xuân năm 2017 – 2018: xuống giống 1.983,3 ha, thu hoạch 12.269 tấn, năng suất bình quân 6,19 tấn/ha, so với cùng kỳ năng suất bình quân tăng 2,06 tấn/ha; Vụ Hè Thu 2018: xuống giống 2.704,2 ha, sản lượng 13.234 tấn, năng suất bình quân 4,89 tấn/ha, so với cùng kỳ năng suất bình quân tăng 0,37 tấn/ha.

<sup>7</sup> cụ thể: Màu lương thực diện tích xuống giống 149,1 ha, sản lượng 1.559 tấn, năng suất bình quân 10,5 tấn/ha; Màu thực phẩm diện tích xuống giống 2.590,4 ha, sản lượng 36.817 tấn, năng suất bình quân 14,2 tấn/ha; Cây công nghiệp ngắn ngày: diện tích xuống giống 463,6 ha, sản lượng 12.343 tấn, năng suất bình quân 26,6 tấn/ha.

<sup>8</sup> Trong đó, gia súc 28.237 con (trâu 50 con, giảm 16 con; bò 12.058 con, tăng 466 con; dê 10.042 con, giảm 222 con; heo 6.087 con, giảm 5.078 con); gia cầm 141.260 con (gà 104.680 con; vịt, ngan, ngỗng 36.580 con), so cùng kỳ tăng 49.160 con

+ Hạng mục San lấp mặt bằng: Đã bàn giao mặt bằng cho đơn vị thi công; Giải ngân: 21,391 tỷ đồng.

+ Hạng mục Giao thông; hệ thống thoát nước; cấp điện và điện chiếu sáng; hệ thống cấp nước: Ủy ban Nhân dân huyện đang lập thủ tục điều chỉnh tổng mức dự án.

**- Dự án Trụ sở làm việc Trung tâm hành chính:**

+ Hạng mục Trụ sở làm việc Huyện ủy, các công trình phụ trợ: đã bàn giao mặt bằng và khởi công xây dựng công trình; Giải ngân: 16,646 tỷ đồng.

+ Hạng mục Trụ sở làm việc HĐND-UBND; Hội trường 500 chỗ; các công trình phụ trợ, trang thiết bị: trong giai đoạn lập thủ tục điều chỉnh tổng mức dự án.

- *Thủy lợi*: Đầu tư nạo vét hoàn thành, đưa vào sử dụng 05 công trình, chiều dài 15.411 m, tổng mức đầu tư 2,014 tỷ đồng.

- *Điện*: Toàn huyện có 20.379/20.658 hộ có điện chiếm 98,65%, chiếm 98,87% tỷ lệ sử dụng điện thường xuyên an toàn; có 8.288/8.948 hộ người Khmer có điện chiếm 97,53%.

Trong năm, thực hiện 08 công trình cấp điện phục vụ sinh hoạt, sản xuất, kinh doanh<sup>9</sup> với chiều dài trung thế 11,973 km, hạ thế 3,477 km; 07 trạm biến áp; 800kVA tổng mức đầu tư 9,978 tỷ đồng. Nâng đến nay toàn huyện có 269,882 km trung thế, 381,121 km hạ thế, 553 trạm biến áp với tổng dung lượng 35.138,50kVA.

**5. Tài chính - Tín dụng**

**Tài chính:** Tổng thu ngân sách nhà nước 385,260 tỷ đồng, trong này thu thuế (đến ngày 26/11/2018) được 24,356 tỷ đồng, đạt 90,5% kế hoạch. Tổng chi ngân sách 378,306 tỷ đồng (chi ngân sách huyện: 286,060 tỷ đồng, chi ngân sách xã: 92,246 tỷ đồng).

*Hoạt động tín dụng:* tổng dư nợ 1.547,398 tỷ đồng; huy động tiền gửi đến nay 716,853 tỷ đồng; nợ quá hạn 10,746 tỷ đồng (Ngân hàng NN & PTNT: tổng dư nợ 1.325 tỷ, huy động tiền gửi đến nay 707,905 tỷ, nợ quá hạn 10,407 tỷ đồng; Ngân hàng CSXH: tổng dư nợ 222,398 tỷ, huy động tiền gửi đến nay 8,948 tỷ, nợ quá hạn 339 triệu đồng).

**6. Công nghiệp, tiểu thủ công nghiệp – Thương mại và dịch vụ**

**Diêm nghiệp:** có 100 hộ dân làm muối hạt với diện tích sản xuất 70,6 ha tổng sản lượng thu hoạch là 6.525 tấn đạt 65,25% so kế hoạch, giá muối dao động từ 44.000 - 47.000 đồng/giạ.

Cấp mới giấy chứng nhận kinh doanh cho 145 cơ sở, đến nay huyện có 966 cơ sở<sup>10</sup>, tổng vốn 99,575 tỷ đồng.

Thành lập mới 24 doanh nghiệp<sup>11</sup>, đạt 80% so kế hoạch; nâng tổng số đến nay trên địa bàn huyện có 76 doanh nghiệp.

<sup>9</sup> Điện lực 02 công trình; Điện nông thôn Duyên Hải 06 công trình.

<sup>10</sup> 548 cơ sở thương mại, 155 cơ sở dịch vụ, 80 cơ sở công nghiệp.

cảnh quang môi trường; làm hồ xí, hồ rác gia đình hợp vệ sinh; các tiêu chuẩn hộ, ấp văn hóa nông thôn mới.

**Công tác công nhận hộ, ấp nông thôn mới:** Trong năm công nhận mới 2.273 hộ gia đình đạt chuẩn nông thôn mới, nâng đến nay toàn huyện có 14.126 hộ (chiếm 74,88%); công nhận mới 12 ấp nông thôn mới, nâng đến nay có 18/56 ấp được công nhận ấp nông thôn mới.

**Kết quả thực hiện tiêu chí xã nông thôn mới:** Ban Chỉ đạo huyện kết hợp ngành chuyên môn tiến hành khảo sát, đánh giá xã Long Vĩnh đạt 17/19 tiêu chí, còn 2 tiêu chí: trường học và văn hóa đang hoàn thiện và chờ tỉnh xem xét, đánh giá thống nhất. Xã Đông Hải đạt 19/19 tiêu chí, các xã còn lại đạt từ 10-13 tiêu chí<sup>16</sup>.

## 2. Y tế

- Khám và điều trị bệnh cho 59.588 lượt người, trong đó khám Y học cổ truyền 5.783 lượt, tai nạn cấp cứu 492 lượt (tai nạn giao thông 238). Tính đến ngày 14/11/2018 toàn huyện xảy ra 84 cas sốt xuất huyết<sup>17</sup> và 46 cas tay chân miệng<sup>18</sup>. Số ca HIV nhiễm mới 09 cas, nâng đến nay toàn huyện có 115 cas (*Trung tâm Y tế huyện quản lý 45 cas, số còn lại bỏ đi khỏi địa phương, tử vong 01 cas*).

- Phối hợp với Đoàn Y, Bác sĩ Bệnh viện Tai, Mũi, Họng TP. HCM khám, chữa bệnh miễn phí cho 107 đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ khó khăn trên địa bàn xã Đông Hải trị giá 15.622.000 đồng; Đoàn Y, Bác sĩ Bệnh viện Quân Dân Y tỉnh Trà Vinh khám, chữa bệnh miễn phí cho 112 đối tượng chính sách, hộ nghèo, hộ khó khăn trên địa bàn xã Long Vĩnh trị giá 22.400.000 đồng.

- Có 6/7 Trạm y tế đạt chuẩn Quốc gia (*05 trạm tái công nhận, 01 Trạm Y tế thị trấn Long Thành công nhận mới*), Trạm y tế xã Long Khánh cơ sở vật chất không đảm bảo; 7/7 Trạm y tế đã có bác sỹ. Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng nhẹ cân chiếm 9,21 % đạt 100% so kế hoạch so năm 2017 giảm 1%; tỷ lệ trẻ em được tiêm chủng đầy đủ đạt 95,73% (kế hoạch >95%). Tỷ lệ trẻ em suy dinh dưỡng năm 2018 là 9,21% so năm 2017 giảm 1%, đạt 100% so kế hoạch.

Triển khai thực hiện tốt chiến dịch tiêm phòng vaccine Sởi - Rubella cho trẻ, có 1.084/1.120 trẻ được tiêm phòng, đạt 96,79% kế hoạch. Thực hiện tốt đề án bảo hiểm y tế toàn dân, đến nay toàn huyện đạt 100% số người tham gia bảo hiểm y tế.

Tổ chức được 4 đợt hiến máu tình nguyện có 812 lượt người tham gia đăng ký hiến máu. Qua khám sàng lọc thu được 480 đơn vị máu, đạt 52% chỉ tiêu.

- **Công tác đảm bảo an toàn thực phẩm:** Kiểm tra 428 cơ sở, phát hiện 62 cơ sở vi phạm (xử lý nhắc nhở và cam kết sửa chữa không tái phạm 60 cơ sở, phạt vi phạm hành chính 02 cơ sở với số tiền 1.500.000đ). Tổ chức tập huấn, thi sát

<sup>16</sup> 02 xã đạt 13/19 tiêu chí (Ngũ Lạc, Đôn Châu), 01 xã đạt 12/19 tiêu chí (Long Khánh), 01 xã đạt 10/19 tiêu chí (Đôn Xuân).

<sup>17</sup> Trong đó xã Đông Hải 17 cas, Ngũ Lạc 09 cas, Đôn Châu 08, Đôn Xuân 32, Long Khánh 02, Long Vĩnh 13, thị trấn Long Thành 03.

<sup>18</sup> Ngũ Lạc 05 cas, Long Vĩnh 07 cas, Long Khánh 01 cas, TT. Long Thành 06 cas, Đôn Xuân 08 cas, Đôn Châu 08 cas, Đông Hải 11 cas.



Tổ chức thăm viếng và tặng quà cho 08 đối tượng thương binh và gia đình liệt sĩ nhân ngày 30/4 với số tiền 8.000.000 đồng; tổ chức họp mặt và thăm viếng gia đình chính sách nhân ngày 27/7 với số tiền 27.500.000đ đồng.

Phê duyệt kết quả điều tra hộ nghèo, cận nghèo năm 2017 toàn huyện có 3.442 hộ nghèo và 2.427 hộ cận nghèo. Có 7/7 xã, thị trấn đạt chuẩn xã, thị trấn phù hợp với trẻ em.

Huyện mở 08 lớp dạy nghề cho hơn 200 người lao động nông thôn đạt 100% kế hoạch; Tổ chức hội thảo Lao động - Việc làm và Xuất khẩu lao động năm 2018 có 66 lao động tham dự. Phối hợp với Trung tâm Giới thiệu việc làm tỉnh Trà Vinh đưa 08 lao động đi xuất khẩu, đạt 114,285% kế hoạch.

## 5. Dân tộc - Tôn giáo

- **Dân tộc:** Tổ chức họp mặt ngày tết cổ truyền Chôl Chnam Thmây 2018 của đồng bào dân tộc Khmer có 355 đại biểu dự với kinh phí 58 triệu đồng; thăm và tặng quà 14 điểm Chùa, gia đình chính sách tiêu biểu, cán bộ là người dân tộc Khmer trong các dịp lễ với 90,6 triệu đồng.

Tổ chức đưa 08 đại biểu người có uy tín tham dự hội nghị biểu dương khen thưởng cấp tỉnh<sup>22</sup>; 04 đại biểu tham gia Chương trình “Điểm tựa bản làng” tại Hà Nội.

+ **Thực hiện Quyết định số 29/2013/QĐ-TTg:** huyện giải ngân được 123/127 hộ đủ điều kiện hưởng lợi với số tiền 4,059 tỷ đồng, còn lại 4 hộ đang tìm quỹ đất. Đến nay đã đo đạc, khảo sát 122 hộ (hoàn tất 16 hồ sơ).

+ **Thực hiện Quyết định số 2085/QĐ-TTg** ngày 31/10/2016 của Thủ tướng Chính phủ, cho vay vốn chuyển đổi nghề đến nay NHCSXH đã giải ngân 97 hộ với số tiền 3,535 tỷ đồng<sup>23</sup>.

- **Tôn giáo:** Tình hình tôn giáo trên địa bàn cơ bản ổn định. Các hoạt động tôn giáo chủ yếu theo phong tục, truyền thống, có thông qua chính quyền địa phương.

- Phối hợp với Ủy ban Mặt trận Tổ quốc tổ chức thành công đại hội Hội đoàn kết sư sãi yêu nước huyện Duyên Hải nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Quyết định phê chuẩn kết quả bầu Ban Trị sự Chi hội Hưng Xuân Tự và Ban Trị sự Chi hội Hưng Vĩnh Tự, nhiệm kỳ 2018 - 2023.

Chỉ đạo các ban, ngành huyện và UBND xã - thị trấn tăng cường quản lý hoạt động của Pháp luân công và “Hội thánh Đức Chúa trời mẹ” nhằm đảm bảo an ninh trật tự trên địa bàn huyện.

## IV. AN NINH-QUỐC PHÒNG

### 1. Quốc phòng

Tổ chức lễ ra quân huấn luyện năm 2018 (có 330 Dân quân tham gia). Tổ chức giao 75 tân binh thi hành nghĩa vụ quân sự, đạt 100% chỉ tiêu trên giao. Tổ chức diễn tập khu vực phòng thủ cấp huyện đạt khá; diễn tập tác chiến phòng thủ

<sup>22</sup> trong đó UBND tỉnh khen 2 người, Ban Dân tộc tỉnh khen 6 người

<sup>23</sup> Ngũ Lạc 30 hộ= 870 triệu đồng; Đôn Châu 31 hộ=1,255 tỷ đồng; Đôn Xuân 36 hộ=1,41 tỷ đồng

chỉ đạo các ngành chức năng đã cung cấp được 10 hồ sơ, 03 hồ sơ đang hoàn thiện (01 hồ sơ do người dân tự rút đơn tại Tòa án).

- Tư pháp: Sao y chứng thực 158.820 văn bản các loại, đăng ký khai sinh cho 2.166 trường hợp, khai tử cho 849 trường hợp, cấp chứng nhận đăng ký kết hôn cho 739 trường hợp; cải chính hộ tịch, xác định lại dân tộc, giới tính cho 990 trường hợp.

Đến nay toàn huyện có 62 tổ hòa giải áp - khóm, có 517 thành viên. Tổ chức 16 cuộc phổ biến pháp luật và tuyên truyền pháp luật về phòng, chống tội phạm, luật hộ tịch, hòa giải cơ sở, luật tiếp công dân,... có 2.286 lượt người dự (cấp huyện).

- Thi hành án:

Tổng thụ lý 1.058 việc (năm trước chuyển sang là 363 việc, thụ lý mới 695 việc, ủy thác 10 việc). Trong số việc có điều kiện thi hành, đã giải quyết xong 664 việc, đạt tỷ lệ 79,90%. Số việc còn chuyển kỳ sau: 384 việc.

Tổng số tiền thụ lý 26.788.028.000 đồng (năm trước chuyển sang 19.731.008.000 đồng, thụ lý mới 7.057.020.000 đồng). Trong đó: số tiền có điều kiện thi hành 15.122.576.000 đồng, đã giải quyết xong 6.506.237.000 đồng, số tiền còn chuyển kỳ sau: 8.616.339.000 đồng.

#### **4. Công tác đấu tranh phòng chống tham nhũng**

Ủy ban Nhân dân huyện Duyên Hải ban hành quyết định số 510/QĐ-UBND ngày 06/3/2018 về thanh tra ngân sách Trường THCS Long Vĩnh. Qua thanh tra, kiểm điểm rút kinh nghiệm đối với Hiệu trưởng và Kế toán trường THCS Long Vĩnh trong việc thu chi ngân sách Nhà nước chưa đảm bảo đúng nguyên tắc tài chính, đồng thời xây dựng kế hoạch khắc phục những hạn chế.

Các cơ quan, đơn vị trên địa bàn huyện xây dựng Quy chế chi tiêu nội bộ đầy đủ, thực hiện tốt việc công khai, minh bạch trong quản lý sử dụng ngân sách, các nguồn huy động và sử dụng các khoản đóng góp của Nhân dân. Việc mua sắm tài sản, trang thiết bị theo dự toán được giao, đã thực hiện việc chọn đấu thầu công khai, minh bạch để tránh lãng phí, thất thoát; đảm bảo sử dụng trang thiết bị làm việc theo đúng định mức quy định theo Quyết định số 170/QĐ-TTg ngày 18/7/2006 của Thủ tướng Chính phủ. Các ban ngành huyện, UBND các xã - thị trấn đã có sự tập trung tổ chức thực hiện có hiệu quả Nghị quyết 11/NQ-CP của Chính phủ. Cho đến nay trên địa bàn huyện có 62/62 đơn vị thực hiện công khai minh bạch đạt 100%, (trong đó 20 cơ quan, 35 điểm trường và 7 xã, thị trấn).

Triển khai việc thực hiện kê khai tài sản, thu nhập trong năm 2018 theo Hướng dẫn số 02-HD, ngày 30/1/2017 của Ban Thường vụ Tỉnh ủy Trà Vinh về việc kê khai, công khai bản kê khai tài sản, thu nhập của cán bộ. Thực hiện chuyển đổi vị trí công tác 05 công chức đại chính - xây dựng<sup>24</sup> theo Quyết định số 4125/QĐ-UBND ngày 28/12/2017 của Chủ tịch UBND huyện.

<sup>24</sup> cụ thể như sau: Công chức Địa chính - Xây dựng xã Đôn Xuân đến công tác xã Đôn Châu theo Quyết định số 905/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND huyện; Công chức Địa chính - Xây dựng thị trấn Long Thành đến công tác xã Đông Hải theo Quyết định số 906/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND huyện; Công chức Địa chính - Xây dựng xã Long Vĩnh đến công tác xã Đôn Xuân theo Quyết định số 907/QĐ-UBND ngày 07/5/2018 của UBND huyện; Công chức Địa chính - Xây dựng xã Đông Hải đến công tác thị trấn Long Thành theo Quyết định số 908/QĐ-UBND ngày 07/5/2018

những mặt hạn chế còn tồn tại trong quá trình thực thi công vụ của đội ngũ cán bộ công chức của 3 xã nêu trên.

Xây dựng Đề án sắp xếp tinh gọn tổ chức bộ máy, nâng cao hiệu quả hoạt động của hệ thống chính trị huyện Duyên Hải theo Nghị quyết số 18-NQ/TW, Nghị quyết số 19-NQ/TW của Ban Chấp hành Trung ương Đảng khóa XII. Xây dựng kế hoạch và triển khai, thực hiện Nghị quyết số 71/2018/NQ-HĐND ngày 11/7/2018 của Hội đồng nhân dân tỉnh Trà Vinh về chính sách hỗ trợ cán bộ, công chức, viên chức, lao động hợp đồng theo Nghị định số 68/2000/NĐ-CP và những người hoạt động không chuyên trách cấp xã thôi việc theo nguyện vọng. Hoàn thành việc sáp nhập Văn phòng Huyện ủy và Văn phòng HĐND & UBND huyện thành Văn phòng Huyện ủy và HĐND - UBND huyện Duyên Hải; Ban Tổ chức Huyện ủy và phòng Nội vụ huyện thành Cơ quan Tổ chức - Nội vụ huyện; Ủy ban kiểm tra Huyện ủy và Thanh tra huyện thành Cơ quan Kiểm tra - Thanh tra huyện; sáp nhập giảm 05 trường học.

Quyết định phân công 83 cán bộ, công chức<sup>25</sup> tham gia lớp bồi dưỡng kiến thức Quản lý Nhà nước ngạch chuyên viên mở tại thị xã Duyên Hải. Lập danh sách đề nghị bổ nhiệm vào ngạch chuyên viên chính đối với 06 cán bộ, công chức<sup>26</sup> trúng tuyển kỳ thi nâng ngạch chuyên viên chính. Thực hiện quy trình tuyển chọn chức danh lãnh đạo, quản lý cấp phòng (Giám đốc BQLDA ĐTXD khu vực huyện Duyên Hải, Phó Trưởng phòng Tài nguyên và Môi trường huyện). Ban hành Kế hoạch chuyển đổi vị trí công tác theo Nghị định số 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ và Nghị định số 150/2013/NĐ-CP ngày 01/11/2013 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định 158/2007/NĐ-CP ngày 27/10/2007 của Chính phủ trên địa bàn huyện Duyên Hải.

Hoàn thành việc xây dựng, chuyển đổi hệ thống QLCL theo tiêu chuẩn QG TCVN ISO 9001-2008 sang ISO 9001-2015 trong giải quyết thủ tục hành chính. Xây dựng kế hoạch triển khai, thực hiện Kế hoạch số 17/KH-UBND ngày 28/3/2018 của UBND tỉnh về đẩy nhanh xây dựng chính quyền các cấp “Kỷ cương, liêm chính, hành động, sáng tạo, hiệu quả” phục vụ Nhân dân và doanh nghiệp và Kế hoạch tinh giản và giảm biên chế năm 2018 của huyện Duyên Hải.

**Công tác tiếp Công dân:** được 1.063 cuộc<sup>27</sup>; nội dung: chuyển đổi nghề: 716 cuộc; đất đai: 242 cuộc; khiếu nại, chính sách, bồi thường, sạt lở, môi trường, tranh chấp, tư pháp... được 105 cuộc. Qua tiếp xúc đã hướng dẫn giải thích 974 vụ việc, chuyển cho xã - thị trấn và ngành có liên quan để giải quyết theo thẩm quyền 89 vụ việc.

## VI. NHẬN XÉT CHUNG:

Tình hình kinh tế - xã hội năm 2018 phát triển cơ bản ổn định, diện tích nuôi thủy sản tăng, tỷ lệ thiệt hại giảm so cùng kỳ; công tác phòng chống dịch bệnh được chủ động không để lây lan, tình hình sâu bệnh, dịch bệnh được kiểm soát;

<sup>25</sup> trong đó cấp huyện: 01 cán bộ, 06 công chức; cấp xã: 46 cán bộ, 37 công chức

<sup>26</sup> 01 cán bộ Ủy ban nhân dân huyện; 04 công chức: Phòng Nội vụ, Phòng Tài chính - Kế hoạch, Phòng Kinh tế và Hạ tầng, Phòng Lao động - Thương binh và Xã hội huyện Duyên Hải; 01 Bí thư Đảng ủy xã Đông Hải

<sup>27</sup> Tiếp định kỳ và đột xuất: 179 cuộc (huyện 11 cuộc; xã 168 cuộc); tiếp định kỳ và đột xuất đồng người: 05 cuộc (huyện 05 cuộc; xã 00 cuộc); tiếp thường xuyên: 879 cuộc (huyện 196 cuộc; xã 683 cuộc).



số 5 khu kinh tế Định An... là điều kiện thuận lợi để thu hút đầu tư, phát triển kinh tế - xã hội, tạo thêm việc làm, tăng thu nhập cho người dân.

## **2. Khó khăn**

Điều kiện kinh tế - xã hội của huyện còn nhiều khó khăn, kết cấu hạ tầng kỹ thuật chưa đồng bộ. Hiện trạng hạ tầng giao thông khu kinh tế Định An chưa hoàn chỉnh (chỉ mới đầu tư được tuyến đường số 1, số 2), chưa có quỹ đất sạch để thu hút các nhà đầu tư, chi phí bồi thường giải phóng mặt bằng, lực lượng lao động tại chỗ chưa tương xứng với nhu cầu phát triển...

Tái cơ cấu lại nông nghiệp chưa thật sự gắn với xây dựng nông thôn mới. Nông nghiệp chiếm tỷ trọng cao trong cơ cấu kinh tế, nhưng sản xuất còn nhỏ lẻ, phụ thuộc vào điều kiện tự nhiên, trong khi tác động của biến đổi khí hậu làm cho thời tiết ngày càng diễn biến phức tạp, giá cả đầu vào tăng, đầu ra thấp, gây bất lợi cho sản xuất nông nghiệp; thiên tai, dịch bệnh diễn biến khó lường, xâm nhập mặn ảnh hưởng đến đời sống và sản xuất của nhân dân; sự tham gia và đầu tư của doanh nghiệp vào nông nghiệp, nông thôn còn hạn chế.

Việc ứng dụng khoa học kỹ thuật vào sản xuất trong nhân dân còn ít, chất lượng chưa cao; một số mô hình sản xuất kinh doanh có hiệu quả trong nhân dân chưa được nhân rộng kịp thời; một bộ phận nhân dân có tập quán sản xuất nhỏ lẻ, chưa gắn kết với thị trường tiêu thụ sản phẩm, hiệu quả kinh tế chưa cao. Việc vận động phát triển mới doanh nghiệp còn gặp nhiều khó khăn, phần lớn các hộ kinh doanh cá thể nhỏ lẻ (nguồn vốn ít), còn tâm lý ngại cạnh tranh khi lên doanh nghiệp,...

Tình hình an ninh trật tự, tệ nạn xã hội, đơn thư, khiếu nại diễn biến phức tạp, nhất những tranh chấp đất đai, công tác GPMB xây dựng các công trình, những ảnh hưởng, tác động của Nhà máy Nhiệt điện Duyên Hải, Luồng cho tàu biển trọng tải lớn vào sông Hậu đến đời sống và sản xuất của người dân trong khu vực. Ngoài ra các phần tử cơ hội, thế lực thù địch không ngừng lôi kéo, tụ tập đông người để thực hiện các hành vi gây rối, làm mất tình hình an ninh trật tự ở địa phương.

## **II. MỤC TIÊU VÀ CÁC CHỈ TIÊU CHỦ YẾU CỦA KẾ HOẠCH NĂM 2019**

### **1. Mục tiêu**

Căn cứ Nghị quyết của Huyện ủy và HĐND huyện năm 2019, Ủy ban Nhân dân huyện đề ra các mục tiêu chủ yếu của kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội năm 2019: Tập trung huy động các nguồn lực trong và ngoài huyện, khai thác hiệu quả tiềm năng, lợi thế của huyện nhằm duy trì và nâng cao chất lượng tăng trưởng gắn với tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới theo hướng nâng cao giá trị gia tăng và phát triển bền vững, tiếp tục ổn định kinh tế, phấn đấu đạt tốc độ tăng trưởng 11,04% so năm 2018. Quan tâm giải quyết tốt các vấn đề xã hội; bảo đảm ổn định an ninh chính trị và trật tự, an toàn xã hội.

### **2. Các chỉ tiêu chủ yếu**

Trên cơ sở mục tiêu, nhiệm vụ nêu trên, UBND huyện đề ra các chỉ tiêu chủ yếu của năm 2019 như sau:



Triển khai thực hiện có hiệu quả vùng quy hoạch chi tiết nuôi tôm nước lợ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 trên địa bàn huyện Duyên Hải theo Quyết định phê duyệt số 109/QĐ-UBND ngày 18/01/2018 của Chủ tịch Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh. Rà soát, bổ sung các dự án nuôi thủy sản có thể đầu tư khai thác và nhân rộng phù hợp với quy hoạch để khai thác tiềm năng kinh tế như: nuôi tôm công nghệ cao, sản xuất hữu cơ kết hợp nuôi tôm sinh thái, trồng rừng kết hợp nuôi tôm sinh thái,....

Thực hiện tốt chương trình bảo vệ và phát triển nguồn lợi thủy sản đến năm 2020 và phát triển kinh tế bền vững giai đoạn 2016-2020; ứng dụng các quy trình kỹ thuật nuôi thủy sản chuyên canh, luân canh hoặc xen canh phù hợp với từng hình thức nuôi theo đặc điểm sinh thái từng vùng; Triển khai thực hiện chính sách bảo hiểm nông nghiệp theo quy định tại Nghị định số 58/2018/NĐ-CP ngày 18/4/2018 của Chính phủ trên địa bàn huyện Duyên Hải.

Làm tốt công tác thông tin, dự báo về giá cả, thị trường giúp nhân dân định hướng việc chọn con nuôi và thời điểm thả nuôi. Quản lý chặt chẽ chất lượng con giống, thuốc thú y, hóa chất dùng trong chăn nuôi, môi trường nuôi tôm; quản lý, kiểm tra chặt chẽ việc khai thác đánh bắt gần bờ, trên sông, rạch, bảo vệ nguồn lợi thủy sản.

Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 22/KH-UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban Nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc thực hiện khai thác tốt tiềm năng kinh tế biển trở thành kinh tế mũi nhọn gắn với thu hút đầu tư vào khu kinh tế Định An. Tăng cường theo dõi diễn biến môi trường, hướng dẫn sản xuất hạn chế thiệt hại do biến đổi khí hậu. Phát huy hiệu quả sử dụng đất bãi bồi ven biển, ven sông, huy động tối đa các nguồn vốn nuôi các loài nhuyễn thể.

## **1.2 Nông nghiệp**

- Triển khai quyết liệt tái cơ cấu ngành nông nghiệp gắn với xây dựng nông thôn mới. Tiếp tục rà soát điều chỉnh quy hoạch, kế hoạch chuyển đổi cơ cấu cây trồng, sản phẩm phù hợp với lợi thế và nhu cầu thị trường, thích ứng biến đổi khí hậu. Phát triển các vùng sản xuất hàng hóa nông nghiệp tập trung, tổ chức sản xuất theo chuỗi với các sản phẩm chủ lực của từng địa phương. Tiếp tục nạo vét, tu sửa, nâng cấp, xây dựng mới các công trình thủy lợi (*kênh, mương, đê bao, cống bọng...*).

Hướng dẫn nhân dân sản xuất hàng nông sản tính đến yếu tố cạnh tranh trong quá trình hội nhập. Triển khai thực hiện có hiệu quả Kế hoạch số 76-KH/HU ngày 03/01/2018 của Huyện ủy Duyên Hải, về lãnh đạo phát triển một số cây trồng, vật nuôi chủ lực trên địa bàn huyện Duyên Hải đến năm 2020, định hướng đến 2025.

Định hướng việc chăn nuôi gia súc, gia cầm gắn với nhu cầu thị trường tiêu thụ, xác định sản phẩm chăn nuôi chủ lực theo lợi thế của từng địa phương để tập trung đầu tư và phù hợp với tình hình biến đổi khí hậu. Phát triển chăn nuôi nông hộ theo phương thức chăn nuôi hữu cơ, sinh thái; giám sát và kiểm soát dịch bệnh hiệu quả; đẩy mạnh công tác tuyên truyền, chủ động phòng ngừa dịch bệnh nhằm phát huy hiệu quả trong chăn nuôi.

triển khai thi công các công trình thủy lợi phục vụ sản xuất theo kế hoạch năm 2019.

### **1.6 Công nghiệp - Tiểu thủ công nghiệp, Thương mại - Dịch vụ**

Tạo điều kiện để thu hút mạnh các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh trên các lĩnh vực theo Kế hoạch số 24/KH-UBND ngày 10/4/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, về việc đẩy mạnh thu hút đầu tư, phát triển doanh nghiệp, khởi nghiệp và huy động các nguồn lực đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng phát triển kinh tế - xã hội; Kế hoạch số 52/KH-UBND ngày 18/9/2018 của Ủy ban nhân dân huyện, về phát triển khu kinh tế, khu công nghiệp trên địa bàn huyện Duyên Hải đến năm 2020 và tầm nhìn đến năm đến năm 2025;

Tăng cường kiểm tra chống gian lận thương mại, hàng giả, hàng kém chất lượng, xử lý nghiêm các trường hợp vi phạm. Chủ động phối hợp với ngành điện lập kế hoạch phát triển một số tuyến điện, tăng công suất các trạm biến thế điện nhằm đảm bảo phục vụ những khu vực trồng màu, các khu nuôi tôm công nghiệp và khu dân cư. Vận động nhân dân sử dụng điện an toàn, tiết kiệm; phấn đấu tỷ lệ hộ dân sử dụng điện chiếm trên 98,9% so với dân số.

Chỉ đạo ngành chuyên môn rà soát các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất công nghiệp nông thôn có nhu cầu đầu tư đổi mới máy móc thiết bị, ứng dụng công nghệ vào sản xuất để hỗ trợ chính sách từ nguồn vốn khuyến công của tỉnh, huyện, dự án AMD, dự án SME,....

Phối hợp ngành tỉnh đầu tư nâng cấp, mở rộng Trạm cung cấp nước sạch xã Long Vĩnh, Đông Hải từng bước phục vụ nhu cầu sử dụng nước sạch cho nhân dân, phấn đấu 100% số hộ dân được sử dụng nước hợp vệ sinh, tỷ lệ hộ dân sử dụng nước sạch đạt 71,9% theo kế hoạch tỉnh giao.

### **1.7 Kinh tế hợp tác**

Tiếp tục triển khai thực hiện nghiêm Chỉ thị 09/CT-TU ngày 14/8/2017 của Ủy ban Nhân dân tỉnh, về tăng cường các giải pháp củng cố, phát triển HTX; Nghị quyết 05-NQ/HU ngày 06/4/2016 của Huyện ủy về xây dựng và phát triển kinh tế hợp tác giai đoạn 2016 - 2020 trên địa bàn huyện.

Củng cố và nâng cao hiệu quả hoạt động kinh tế tập thể. Tích cực vận động thành lập các tổ hợp tác, hợp tác xã theo mô hình hợp tác xã kiểu mới. Thực hiện việc rà soát, nắm nhu cầu để kịp thời thực hiện chính sách hỗ trợ đưa cán bộ tốt nghiệp Đại học, cao đẳng về công tác tại các hợp tác xã trên địa bàn huyện đến năm 2020. Phấn đấu trong năm thành lập mới 02 hợp tác xã; mỗi xã - thị trấn thành lập mới từ 3 tổ hợp tác trở lên hoạt động có hiệu quả.

### **1.8 Tài chính- Tín dụng**

Triển khai thực hiện Kế hoạch số 66-KH/HU ngày 21/8/2017 của Huyện ủy Duyên Hải, về việc thực hiện Nghị quyết số 07-NQ/TW ngày 18/11/2016 của Bộ Chính trị.

Phấn đấu thu ngân sách đạt chỉ tiêu tỉnh giao. Quản lý và khai thác tốt các nguồn thu; đảm bảo thu đúng, thu đủ, chống gian lận, trốn thuế. Tuân thủ đúng định mức, kế hoạch trong thực hiện chi ngân sách. Phối hợp chặt chẽ giữa các tổ chức ngân hàng, tín dụng tập trung vốn vay phục vụ phát triển lĩnh vực nông

- Kết hợp Sở Y tế tỉnh Trà Vinh triển khai xây dựng Bệnh viện đa khoa Duyên Hải, nâng cấp, sửa chữa các Trạm y tế theo kế hoạch. Cùng cố và nâng cao hiệu quả mạng lưới y tế cơ sở, y tế dự phòng, chủ động phòng chống dịch bệnh, không để các dịch bệnh lớn xảy ra, nhất là bệnh sốt xuất huyết, tay chân miệng,...; thực hiện tốt các chương trình y tế quốc gia, công tác quản lý nhà nước về vệ sinh, an toàn thực phẩm.

#### **2.4 Chính sách xã hội**

Nâng cao hiệu quả công tác giảm nghèo, chú trọng công tác tuyên truyền nhằm thay đổi nhận thức trong giảm nghèo, khơi dậy ý chí chủ động vươn lên của người nghèo, khắc phục tư tưởng trông chờ, ỷ lại vào Nhà nước. Thực hiện việc lồng ghép các nguồn vốn của Chương trình mục tiêu quốc gia, các trương trình, dự án hỗ trợ có mục tiêu trên địa bàn, vốn ngân sách địa phương, huy động vốn của cộng đồng,... để thực hiện các mục tiêu của đề án giảm nghèo.

Thực hiện tốt chế độ chính sách đối với người có công, nhất là chính sách hỗ trợ nhà ở (*nhà tình nghĩa, nhà ở theo Quyết định 22 và ngoài Quyết định 22, Quyết định 33*). Thực hiện đầy đủ và kịp thời các chính sách hỗ trợ xã hội. Quan tâm chăm sóc và bảo vệ trẻ em, nhất là trẻ em có hoàn cảnh đặc biệt. Tiếp tục thực hiện cuộc vận động quỹ “Đền ơn đáp nghĩa” và quỹ “An sinh xã hội” đạt kế hoạch.

#### **2.5 Công tác Dân tộc - tôn giáo**

Tăng cường công tác tuyên truyền, vận động đồng bào dân tộc thực hiện tốt các chủ trương chính sách của đảng, pháp luật của nhà nước. Thực hiện có hiệu quả các chính sách, chương trình dự án trong vùng đồng bào dân tộc Khmer. Tổ chức họp mặt, viếng thăm nhân ngày lễ, tết của đồng bào dân tộc Khmer. Tiếp tục triển khai thực hiện chính sách hỗ trợ phát triển sản xuất, giải quyết đất ở và giải quyết việc làm: Quyết định 29/QĐ-TTg, Quyết định số 2085/QĐ-TTg ... cho đồng bào dân tộc và các dự án hỗ trợ phát triển sản xuất và dự án duy tu bảo dưỡng thuộc nguồn vốn chương trình 135.

Chủ động phòng ngừa và đấu tranh với các hoạt động lợi dụng các vấn đề về dân tộc, tôn giáo, dân chủ, nhân quyền, lợi dụng các chính sách về phát triển kinh tế - xã hội để hoạt động xâm phạm an ninh quốc gia và gây mất an ninh chính trị, trật tự ở địa phương.

#### **2.6 Đấu tranh phòng chống tham nhũng, thực hành tiết kiệm, chống lãng phí; giải quyết khiếu nại tố cáo của công dân**

Chỉ đạo các ngành chuẩn bị nội dung, hồ sơ phục vụ công tác Thanh tra năm 2019 theo yêu cầu của Thanh tra tỉnh.

Tăng cường các biện pháp phòng ngừa tham nhũng như công khai, minh bạch trọng hoạt động của các cơ quan, kê khai, minh bạch tài sản, thu nhập. Thực hiện Kế hoạch thanh tra trách nhiệm việc thực hiện các quy định của pháp luật về phòng, chống tham nhũng; kịp thời xác minh, làm rõ các đơn tố cáo có tính chất tham nhũng.

- Đôn đốc, kiểm tra, hướng dẫn việc thực hiện pháp luật về tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo và công tác tuyên truyền, phổ biến giáo dục pháp luật về khiếu nại, tố cáo. Giải quyết kịp thời những vụ việc khiếu nại, tố cáo thuộc thẩm quyền còn tồn đọng và các vụ việc mới phát sinh đảm bảo về trình tự, thủ tục và



việc hợp nhất Đài Truyền thanh và sự nghiệp Văn hóa – Thông tin và Thể thao thuộc phòng Văn hóa và Thông tin thành Trung tâm Văn hóa – Thông tin và thể thao trực thuộc Ủy ban nhân dân huyện Duyên Hải.

Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát chặt chẽ hoạt động thực thi công vụ, nhiệm vụ của cán bộ, công chức, viên chức thuộc phạm vi quản lý. Tiếp tục chỉ đạo thực hiện tốt công tác cải cách hành chính năm 2019 và Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 16/6/2017 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh về đẩy mạnh công tác cải cách hành chính giai đoạn 2016 - 2020;

Thực hiện tốt công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ cán bộ công chức, viên chức nhằm nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, nhất là nguồn nhân lực chất lượng cao phục vụ phát triển kinh tế - xã hội. Tăng cường ứng dụng Công nghệ thông tin trong hoạt động của các cơ quan nhà nước, đẩy mạnh việc gửi, nhận văn bản qua hệ thống phần mềm IDESK với các Sở ngành tỉnh, huyện, UBND các xã. Thực hiện cung cấp dịch vụ công trực tuyến cấp độ 3, 4 theo quy định, đảm bảo an toàn an ninh thông tin.

#### **5.- Tổ chức thực hiện:**

Trên cơ sở kế hoạch kinh tế - xã hội năm 2019 của Ủy ban Nhân dân huyện, Các ngành trực thuộc và Ủy ban nhân dân các xã – thị trấn tiếp tục rà soát kế hoạch của đơn vị, địa phương mình để điều chỉnh trở thành kế hoạch chính thức của ngành, địa phương mình và triển khai thực hiện có hiệu quả kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội đã đề ra trong năm 2019.

Trên đây là báo cáo tình hình thực hiện nhiệm vụ phát triển kinh tế - xã hội, an ninh - quốc phòng năm 2018, kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, an ninh – quốc phòng năm 2019, Ủy ban nhân dân huyện báo cáo đến Ủy ban nhân dân tỉnh, Thường trực Huyện Ủy, Hội đồng nhân dân huyện năm./.

#### **Nơi nhận:**

- UBND tỉnh;
- Sở KHĐT;
- TT.HU, TT. HĐND huyện;
- CT, các PCT UBND huyện;
- Đại biểu HĐND huyện;
- Ban, ngành huyện;
- CVP, PCVP UBND huyện;
- Các xã, thị trấn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**CHỦ TỊCH**



*Kiên Văn Dung*





## PHỤ LỤC KẾT QUẢ THỰC HIỆN CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2018

ST T	NỘI DUNG	Đơn vị tính	NĂM 2018		So KH năm 2018 (%)	Ghi chú
			Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018		
<b>A</b>	<b>KINH TẾ</b>					
1	<b>Giá trị SX (giá so sánh 2010):</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>4.032,59</b>	<b>4.337,19</b>	<b>107,55</b>	
	<b>Khu vực I</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>2.697,04</b>	<b>2.878,61</b>	<b>106,73</b>	
	<b>Thủy sản</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>2.188,59</b>	<b>2.371,36</b>	<b>108,35</b>	
	Sản lượng tôm cá các loại	<i>tấn</i>	36.710	39.648	108	
	- Sản lượng đánh bắt, khai thác	<i>tấn</i>	18.000	18.858	104,77	
	- Sản lượng nuôi trồng	<i>tấn</i>	18.710	20.790	111,12	
	+ Sản lượng tôm sú	<i>tấn</i>	2.910	2.903	99,76	
	+ Sản lượng thê chân trắng	<i>tấn</i>	5.400	7.606	140,85	
	<b>-Trồng trọt- chăn nuôi</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>497,45</b>	<b>496,25</b>	<b>99,76</b>	
	+ Sản lượng lúa	<i>tấn</i>	25.000	38.308	153,23	
	+ Sản lượng màu	<i>tấn</i>	89.300 <small>(trừ 26.300 tấn cỏ trồng)</small>	76.459 <small>(cỏ trồng 25.740 tấn)</small>	85,62	
	+ Cây lâu năm	<i>tấn</i>	4.500	4.200	93,33	
	+ Sản lượng thịt hơi các loại	<i>tấn</i>	2.190	2.240	102,28	
	<b>Lâm nghiệp</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>11</b>	<b>11</b>	<b>100</b>	
	Trồng rừng	<i>ha</i>	20	20	100	
	<b>Khu vực II</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>672,79</b>	<b>710,31</b>	<b>105,58</b>	
	Công nghiệp	<i>tỷ đồng</i>	182,46	186,11	102	
Xây dựng	<i>tỷ đồng</i>	490,32	524,19	106,91		
<b>Khu vực III: Thương mại, dịch vụ</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>662,76</b>	<b>748,28</b>	<b>112,9</b>		
2	Thu thuế	<i>tỷ đồng</i>	26,9	24,356	90,5	
3	Xây dựng tổ hợp tác	<i>tổ</i>	21	35	166,66	
	Xây dựng hợp tác xã	HTX	01	3	300	
	Thành lập doanh nghiệp mới	DN	30	24	80	
<b>B</b>	<b>VĂN HÓA-XÃ HỘI</b>					
<b>B.1</b>	<b>VĂN HÓA</b>					
4	XD thị trấn văn minh đô thị	TT	01			
	XD xã "văn hóa-nông thôn mới"	xã	01			
<b>B.2</b>	<b>XÃ HỘI</b>					
5	Hộ dân được sử dụng điện	%	99	98,65	99,65	
6	Tỷ lệ hộ nghèo giảm trong năm	%	4	5,27	131,75	
	Trong vùng dân tộc	%	5	6,54	130,8	
7	Số lao động được tạo việc làm mới	người	1.800	3.612	200,66	
	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	người	7	14	200	
	Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề so với tổng số lao động	%	58	58 <small>(23.909/41.224 lao động)</small>	100	
<b>B.3</b>	<b>Y TẾ</b>					

ST T	NỘI DUNG	Đơn vị tính	NĂM 2018		Số KH năm 2018 (%)	Ghi chú
			Chỉ tiêu kế hoạch năm 2018	Thực hiện năm 2018		
8	Tăng dân số tự nhiên	%	1,03	1,02	Đạt	
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	%	< 12,21	<9,21	Đạt	
10	Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	xã	6	6	Đạt	
<b>B.4</b>	<b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>					
	<b>Học sinh đi học trong độ tuổi</b>					
	Mẫu giáo	%	72,5	69,02	95,2	
	Tiểu học	%	99,8	99,9	100,1	
11	Trung học cơ sở	%	98	98	100	
	Trung học phổ thông	%	72	72	100	
12	tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng	%	< 3	0,64	Đạt	
<b>C</b>	<b>MÔI TRƯỜNG</b>					
13	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch	%	64,8	69,75	107,64	
14	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý	%	98	100	102	
<b>D</b>	<b>QUỐC PHÒNG - AN NINH</b>					
15	xã an toàn về an ninh, trật tự	xã	7	6	85,71	
16	xã vững mạnh về quốc phòng, an ninh	xã	7	7	100	
17	Tỷ lệ tuyển quân	%	100	100	100	





## PHỤ LỤC CHỈ TIÊU KẾ HOẠCH NĂM 2019

ST T	NỘI DUNG	Đơn vị tính	NĂM 2019		KH 2019/ TH 2018 (%)
			Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	
<b>A</b>	<b>KINH TẾ</b>				
1	<b>Giá trị SX (giá so sánh 2010):</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>4.337,19</b>	<b>4.816,17</b>	<b>111,04</b>
	<b>Khu vực I</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>2.878,61</b>	<b>2.950,09</b>	<b>102,48</b>
	<b>Thủy sản</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>2.371,36</b>	<b>2.438,73</b>	<b>102,84</b>
	Sản lượng tôm cá các loại	<i>tấn</i>	39.648	40.200	
	- Sản lượng đánh bắt, khai thác	<i>tấn</i>	18.858	18.295	
	- Sản lượng nuôi trồng	<i>tấn</i>	20.790	21.905	
	+ Sản lượng tôm sú	<i>tấn</i>	2.903	2.870	
	+ Sản lượng thẻ chân trắng	<i>tấn</i>	7.606	8.700	
	<b>-Trồng trọt- chăn nuôi</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>496,25</b>	<b>499,87</b>	<b>102,73</b>
	+ Sản lượng lúa	<i>tấn</i>	38.308	31.000	
	+ Sản lượng màu	<i>tấn</i>	76.459 (có trồng 25.740 tấn)	79.420 (có trồng 28.000 tấn)	
	+ Cây lâu năm	<i>tấn</i>	4.200	2.510	
	+ Sản lượng thịt hơi các loại	<i>tấn</i>	2.240	2.565	
	<b>Lâm nghiệp</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>11</b>	<b>11,5</b>	<b>104,55</b>
	Trồng rừng	<i>ha</i>	20		
	<b>Khu vực II</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>710,31</b>	<b>913,69</b>	<b>128,63</b>
	Công nghiệp	<i>tỷ đồng</i>	186,11	199,41	107,14
Xây dựng	<i>tỷ đồng</i>	524,19	714,29	136,26	
<b>Khu vực III: Thương mại, dịch vụ</b>	<i>tỷ đồng</i>	<b>748,28</b>	<b>952,38</b>	<b>127,28</b>	
2	Thu thuế	<i>tỷ đồng</i>	23,88	27,4	
3	Xây dựng tổ hợp tác	<i>tổ</i>	35	21	
	Xây dựng hợp tác xã	<i>HTX</i>	3	02	
	Thành lập doanh nghiệp mới	<i>DN</i>	24	35	
<b>B</b>	<b>VĂN HÓA-XÃ HỘI</b>				
<b>B.1</b>	<b>VĂN HÓA</b>				
4	XD thị trấn văn minh đô thị	<i>TT</i>		01	
	XD xã “văn hóa-nông thôn mới”	<i>xã</i>		01 (LK)	
<b>B.2</b>	<b>XÃ HỘI</b>				
5	Hộ dân được sử dụng điện	<i>%</i>	98,65	98,9	
6	Tỷ lệ hộ nghèo giảm trong năm	<i>%</i>	5,27	2,92	
	Trong vùng dân tộc	<i>%</i>	6,54	5	
7	Số lao động được tạo việc làm mới	<i>người</i>	3.612	1.800	
	Số lao động đi làm việc ở nước ngoài theo hợp đồng	<i>người</i>	14	10	
	Tỷ lệ lao động được đào tạo nghề so với tổng số lao động	<i>%</i>	58 (23.909/41.224 lao động)	62	
<b>B.3</b>	<b>Y TẾ</b>				
8	Tăng dân số tự nhiên	<i>%</i>	1,02	1,02	
9	Tỷ lệ trẻ em dưới 5 tuổi suy dinh dưỡng	<i>%</i>	<9,21	9,23	

ST T	NỘI DUNG	Đơn vị tính	NĂM 2019		KH 2019/ TH 2018 (%)
			Thực hiện năm 2018	Kế hoạch năm 2019	
10	Xã đạt chuẩn quốc gia về y tế	xã	6	6	
<b>B.4</b>	<b>GIÁO DỤC VÀ ĐÀO TẠO</b>				
	<b>Học sinh đi học trong độ tuổi</b>				
11	Mẫu giáo	%	69,02	73	
	Tiểu học	%	99,9	98,8	
	Trung học cơ sở	%	98	98	
	Trung học phổ thông	%	72	73	
12	tỷ lệ học sinh bỏ học giữa chừng	%	0,64	< 3	
<b>C</b>	<b>MÔI TRƯỜNG</b>				
13	Tỷ lệ hộ sử dụng nước sạch	%	69,75	71,9	
14	Tỷ lệ chất thải rắn được thu gom, xử lý	%	100	100	
<b>D</b>	<b>QUỐC PHÒNG - AN NINH</b>				
15	xã an toàn về an ninh, trật tự	xã	6	7	
16	xã vững mạnh về quốc phòng, an ninh	xã	7	7	
17	Tỷ lệ tuyển quân	%	100	100	